



CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 13 tháng 04 năm 2026

## **CÔNG BỐ THÔNG TIN VỀ NĂNG LỰC HOẠT ĐỘNG THÍ NGHIỆM CHUYÊN NGÀNH XÂY DỰNG**

**Kính gửi: - Sở Xây dựng thành phố Hà Nội  
- Các quý khách hàng**

Căn cứ Nghị định số 62/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ Quy định về điều kiện hoạt động giám định tư pháp xây dựng và thí nghiệm chuyên ngành xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 35/2023/NĐ-CP ngày 20/6/2023 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 14/2026/NĐ-CP ngày 13/01/2026 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định để cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Xây dựng;

Căn cứ năng lực thiết bị, năng lực nhân sự của Công ty Cổ phần Tư vấn Khoa học Công nghệ và Kiểm định Xây dựng;

Công ty Cổ phần Tư vấn Khoa học Công nghệ và Kiểm định Xây dựng công bố thông tin về năng lực hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng:

### **1. Tên tổ chức hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng:**

**Công ty cổ phần tư vấn khoa học công nghệ và kiểm định xây dựng**

Địa chỉ: Nhà N3 - Phòng 3 - Tập thể Đại học Xây dựng - Phường Bạch Mai – Thành phố Hà Nội

Mã số doanh nghiệp : 0102172625

Điện thoại: 024.35764754

Website : <http://csic.com.vn>

Email : lasxd533@gmail.com

### **2. Tên phòng thí nghiệm:**

**Phòng thí nghiệm kiểm định chuyên ngành xây dựng - giao thông LAS XD-533.**

Trưởng phòng thí nghiệm : Nguyễn Xuân Hiển

Trình độ chuyên môn : Kỹ sư xây dựng chuyên ngành vật liệu xây dựng

Địa chỉ: Nhà A1, ngõ 102 - Đường Trường Chinh – Phường Kim Liên – Thành phố Hà Nội

Điện thoại: 024.35764754

Fax: 024.35765126

Email : lasxd533@gmail.com

### **3. Thông tin năng lực:**

**3.1 Danh mục chỉ tiêu thí nghiệm và tiêu chuẩn áp dụng (Kèm theo văn bản này).**

**3.2. Danh mục thiết bị thí nghiệm chính.(Kèm theo văn bản này).**

**3.3. Danh sách thí nghiệm viên.(Kèm theo văn bản này).**

**4. Danh sách các trạm thí nghiệm hiện trường đang thực hiện.(Kèm theo văn bản này).**

5. Tất cả các nội dung của văn bản này được công bố tại Website : <http://csic.com.vn>

Công ty Cổ phần Tư vấn Khoa học Công nghệ và Kiểm định Xây dựng cam kết thông tin công khai năng lực là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về thông tin đã công bố.

Nơi nhận

- Website : <http://csic.com.vn>
- Sở xây dựng thành phố Hà Nội
- Lưu văn phòng

**CÔNG TY CP TƯ VẤN  
KHCN VÀ KĐXD**



**TỔNG GIÁM ĐỐC**  
*Trần Ngọc Tú*

# DANH MỤC CHỈ TIÊU THÍ NGHIỆM VÀ TIÊU CHUẨN ÁP DỤNG

( Kèm theo văn bản Số: ...../2026/CV-CSIC ngày 13 /04 /2026 của

Công ty Cổ phần Tư vấn Khoa học Công nghệ và Kiểm định Xây dựng ) :

TT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật
<b>1</b>	<b>Thử nghiệm cơ lý của xi măng</b>	
	Độ mịn, KLR của XM	TCVN 13605:2003 ; ASTM C184, C188, C204 ; AASHTO T133, T153 T192 EN 196-6 ; JIS R 5201
	Xác định giới hạn bền nén và uốn	TCVN 6016 : 2011 ;TCVN ; 9488 :2012 ; ASTM C109 ; AASHTO T106 EN 196-1 ; JIS R5201
	Xác định độ dẻo tiêu chuẩn, thời gian đông kết và tính ổn định thể tích	TCVN 6017:2015 ; TCVN 8875 :2012 ; TCVN 9488 :2012 ; TCVN 10653 :2015 ; EN 196-3 JIS R5201 ; ASTM C187, C191, C266, C451 ; AASHTO T131 ; T129
	Độ nở Autoclave	TCVN 7711:2007 ;TCVN 8877 :2011 ; ASTM C151
	Xác định độ nở Sunfat	TCVN 8877 :2011 ; EN 196-8 ; ASTM C186, C1702 ; JIS R5203
	Xác định nhiệt thủy hóa	TCVN 6070:2005 ; EN 196-8 ; ASTM C186, C1702 ; JIS R5203
	Xác định hàm lượng Silic Dioxid ( $SiO_2$ ),mất khi nung (MKN) và cặn không tan, Kali Oxit ( $K_2O$ ) và Natri Oxit ( $Na_2O$ ), Sắt III Oxit ( $Fe_2O_3$ ), Nhôm Oxit ( $Al_2O_3$ ), Canxi Oxit ( $CaO$ ), Magie Oxit ( $MgO$ ), Anhydric Sunfuric ( $SO_3$ ), clorua ( $Cl^-$ )	TCVN 141:2023
	Xác định khả năng giữ nước	TCVN 9204:2012
<b>2</b>	<b>Hỗn hợp bê tông và bê tông nặng</b>	
	Xác định độ sụt của hỗn hợp bê tông	TCVN 3106 :2022 ; ASTM C143 ; ASHTO T119 EN 12350-2 ; JIS A1101 : BS1881
	Xác định độ xòe của hỗn hợp bê tông	EN 12350-5 ; ASTM C1611 ; EN 12350-5 ; JIS A1150
	Xác định độ cứng vebe của hỗn hợp bê tông	TCVN 3107 :2022 ; ASTM C1170 ; EN 12350-3
	Xác định khối lượng thể tích của hỗn hợp bê tông	TCVN 3108 :2022 ; ASTM C138 ; ASHTO T121 ; EN 12350-6 ; JIS A1116
	Xác định độ tách nước tách vữa	TCVN 3109 :2022 ; JIS A1123 ASTM C232 ; AASHTO T158 EN 12350-4 ; EN 480-4
	Phân tích thành phần hỗn hợp bê tông nặng	TCVN 3110 :2022

Xác định hàm lượng bọt khí của vữa bê tông	TCVN 3111 :2022 ; JIS A1128 ; ASTM C173, C231, C233, AASHTO T152 ; EN 12350-7
Xác định khối lượng riêng	TCVN 3112 :2022 ; EN 12390-7 ; 3 ASTM C642
Xác định độ hút nước	TCVN 3113 :2022 ; EN 12390-7 ; ASTM C642
Xác định độ mài mòn	TCVN 3114 :2022
Xác định khối lượng thể tích	TCVN 3115 :2022 ; EN 12390-7 ; ASTM C642
Xác định độ chống thấm nước	TCVN 3116:2022
Xác định độ co	TCVN 3117 :2022 ; ASTM C157 ; AASHTO T160 ; JIS A1129
Xác định giới hạn bền nén	TCVN 3118 :2022 ; ASTM C39, C42 ; AASHTO T22, T140, T24 ; EN 12390-3 ; EN 12504-1 ; JIS A1107, A1108, AS 1012.9
Xác định giới hạn bền kéo khi uốn	TCVN 3119 :2022 ; ASTM C293, C78 ; EN 12390-5 ; JIS A1114, A1106 ; AASHTO T97, T177
Xác định giới hạn bền kéo dọc trục khi bừa	TCVN 3120 :2022 ; JIS A1113 ; AASHTO T198 ; EN 12390-6
Hỗn hợp bê tông nặng – Phương pháp xác định hàm lượng sunfat	TCVN 9338 :2012
Hỗn hợp bê tông nặng – Phương pháp xác định thời gian đông kết	TCVN 9336 :2012
Bê tông – Yêu cầu kỹ thuật	TCVN 14585 :2025
Hỗn hợp bê tông – Yêu cầu kỹ thuật	TCVN 14586 :2025
Bê tông – Kiểm tra và đánh giá cường độ trên kết cấu toàn khối và sản phẩm đúc sẵn	TCVN 14524 :2025
Phương pháp xác định cường độ bê tông lấy từ kết cấu	TCVN12252-2020 ; ASTM C42 : 1990
Phương pháp xác định cường độ lăng trụ và môđun đàn hồi khi nén tĩnh của bê tông nặng	TCVN 5726 : 1993
Bê tông cường độ cao cho kết cấu toàn khối – Kiểm tra và đánh giá chất lượng	TCVN 14525 :2025
Bê tông cốt sợi – Yêu cầu kỹ thuật và Phương pháp thử	TCVN 12393 :2018
Bê tông- Kiểm tra và Đánh giá cường độ chịu nén	TCVN 10303 :2025
Thiết kế thành phần cấp phối bê tông	TCVN 10306 :2014 ; TCVN 9382 ; QĐ số 778/1998/QĐ-BXD
Bê tông tự lèn – Yêu cầu kỹ thuật và Phương pháp thử	TCVN 12209 :2018 ; BS EN 12350 :2010 ; ASTM C1611, C1621
Sản phẩm bó vữa bê tông đúc sẵn	TCVN 10797 :2015
Gói công bê tông đúc sẵn	TCVN 10799 :2015
Tấm tường rỗng bê tông đúc sẵn theo công nghệ đùn ép	TCVN 11524 :2016 ; GBT23451 ; B 492 ; BS 415234

	Tấm bê tông cốt thép đúc sẵn gia cố mái kênh và lát mặt đường	TCVN 10798 :2015
	Mương bê tông cốt thép thành mỏng đúc sẵn	TCVN 6394 :2014
	Cột điện bê tông cốt thép ly tâm	TCVN 5847 : 2016
	Cọc bê tông ly tâm ứng lực trước	TCVN 7888 :2014
	Hố ga thoát nước bê tông cốt thép thành mỏng đúc sẵn	TCVN 10333 :2014
	Xác định độ thấm ion clo bằng PP đo điện lượng	TCVN 9337 :2012 ; ASTM C349 :
	Bê tông- Xác định cường độ kéo nhỏ	TCVN 9490 :2012 : ASTM C900-06
	Vữa và bê tông chịu axit	TCVN 9034 :2011
<b>3</b>	<b>Thử nghiệm cốt liệu cho bê tông và vữa</b>	
	Xác định thành phần hạt	TCVN 7572-2 : 2006 ; ASTM C136 AASHTO T27 EN 933-1 ; JIS A1102
	Xác định khối lượng riêng, khối lượng thể tích và độ hút nước	TCVN 7572-4 : 2006 ; EN 1097-6,7 ASTM C127, C128 AASHTO T84, T85 ; JIS A1109, A1110, A1111
	Xác định khối lượng riêng, khối lượng thể tích và độ hút nước của đá gốc và hạt cốt liệu lớn	TCVN 7572-5 : 2006 ; EN 1097-6,7 ASTM C127 ; AASHTO T85
	Xác định khối lượng thể tích xốp và độ hong	TCVN 7572-6 : 2006 ; ASTM C29 ; AASHTO T19 EN 1097-3,4 ; JIS A1104
	Xác định độ ẩm	TCVN 7572-7 : 2006 ; ASTM C566 AASHTO T255 EN 1097-5 ; JIS A1125
	Xác định hàm lượng chung bụi, bùn, sét trong cốt liệu và hàm lượng sét cục trong cốt liệu nhỏ	TCVN 7572-8 : 2006 ; TCVN 9205 :2012 ; ASTM C117, C142 ; AASHTO T11 T112 ; EN 933-1 ; JIS A1103 ; A1113
	Xác định hàm lượng tạp chất hữu cơ	TCVN 7572-9 : 2006 ; ASTM C40 ; AASHTO T21 ; JIS A1105 ; A1142
	Xác định cường độ và hệ số hoá mềm của đá gốc	TCVN 7572-10 : 2006 ; BS 812-110 111 ; ASTM D2938
	Xác định độ nén dập và hệ số hoá mềm của cốt liệu lớn	TCVN 7572-11 : 2006 ; ASTM C17 D2938 ; JIS M0302
	Xác định độ mài mòn Los Angeles (LA)	TCVN 7572-12 : 2006 ; ASTM C13 C535 ; EN 1092-2 ; JIS A1121 ; AASHTO T96 , T327
	Xác định hàm lượng hạt trôi dạt trong cốt liệu lớn	TCVN 7572-13 : 2006 ; EN 933-3, 4 5 ; ASTM D4791 ; AASHTO T335
	Xác định khả năng phản ứng kiềm - Silic	TCVN 7572-14 : 2006 ; ASTM C1260, C1293, C1105 ; AASHTO T303 ; ASTM C227 ; JIS A1146

	Xác định hàm lượng clorua	TCVN 7572-15 : 2006 ; EN 1744-5
	Xác định hàm lượng Sulfat và sulfit trong cốt liệu nhỏ	TCVN 7572-16 : 2006
	Xác định hàm lượng hạt mềm yếu, phong hoá	TCVN 7572-17 : 2006 ; ASTM C142 ; JIS A1126
	Xác định hàm lượng hạt bị đập vỡ	TCVN 7572-18 : 2006
	Xác định hàm lượng mica	TCVN 7572-20 : 2006
	Đương lượng cát, hệ số (ES)	ASTM D2419; AASHTO T176
	Cát nghiền cho bê tông và vữa	TCVN 9205 : 2012
<b>4</b>	<b>Thử nghiệm vữa xây dựng</b>	
	Xác định kích thước hạt cốt liệu lớn nhất	TCVN 3121-1:2022 ; EN 1015-1
	Xác định độ lưu động của vữa tươi	TCVN 3121-3: 2022 ; EN 1015-3,4 ASTM C1437, EN445
	Xác định khối lượng thể tích của vữa tươi	TCVN 3121-6: 2022 ; EN 445 ; EN 1015-6
	Xác định khả năng giữ độ lưu động của vữa tươi	TCVN 3121-8: 2022; ASTM C1437 ASTM C491, EN445
	Xác định thời gian bắt đầu đông kết	TCVN 3121-9: 2022 ; EN 445 ; ASTM C807, C953 ; EN 1015-9
	Xác định khối lượng thể tích vữa đã đóng rắn	TCVN 3121-10: 2022 ; EN1015-10 EN445
	Xác định cường độ nén và uốn của vữa đã đóng rắn	TCVN 3121-11: 2022 ; ASTM C109 C348, C349, C942 ; EN 445 ; EN 1015-11
	Xác định độ bám dính của vữa trên nền	TCVN 3121-12 : 2022 ; ASTM C1583 : EN 1015-12 ; ASTM D4541
	Xác định độ hút nước của vữa đã đóng rắn	TCVN 3121-18 : 2022 ; ASTM C1403 ; EN 1015-18,19
	Xác định hàm lượng inon clo hòa tan trong nước	TCVN 3121-17 :2022
	Xác định độ hút nước của vữa đóng rắn	TCVN 3121-18 :2022 ; ASTM C1403
	Các chỉ tiêu của Vữa cho bê tông nhẹ	TCVN 9028 :2011
	Xác định độ chảy	TCVN 9204 :2012 ; TCVN 8824 :2011 ; EN 445 ; ASTM C939, C1437, C230
	Xác định sự thay đổi chiều dài vữa đóng rắn (độ co, nở)	TCVN 9204 :2012 ; ASTM C157, C596
	Xác định sự thay đổi chiều cao cột vữa trong quá trình đông kết	TCVN 9204 :2012 ; ASTM C827, C1090
	Xác định độ tách nước, độ nở	TCVN 9204 :2012 ; ASTM C940 ; EN 445
	Các chỉ tiêu của Vữa xi măng trộn sẵn không co	TCVN 9204 :2012 ; ASTMC939 ; EN445-07 ; ASTMC157 ; ASTMC827 ; ASTMC1107 ; ASTMC940 ; ASTM C230 ; ASTM C942/C109

	Phương pháp xác định hàm lượng bột khí trong vữa xi măng	TCVN 8873 :2012
	Vữa keo dán gạch, chít mạch: Xác định thời gian mở, độ trượt, biến dạng ngang, cường độ bám dính khi cắt, khi kéo, độ bền hóa, cường độ chịu nén và uốn, độ hút nước, co ngót, mài mòn	TCVN 7899 :2008 ; BS EN1346-2007 ; BS EN 1348 :2007 ; EN 12808 ; EN 873
	Vữa chèn cấp dự ứng : Xác định thời gian mở, độ trượt, biến dạng ngang, cường độ bám dính khi cắt, khi kéo, độ bền hóa, cường độ chịu nén và uốn, độ hút nước, co ngót, mài mòn	TCVN 11971 :2018 ; BS EN447-20
	Vữa bền hóa góc polyme: độ bền kéo, độ bền nén, độ bám dính, thời gian công tác, đo độ dẫn dài và hệ số giãn nở nhiệt, độ hấp thụ nước, độ bền hóa	TCVN 9080 :2012 ; ASTM C267, C307, C308, C321, C413, C531, C579
	Vữa và bê tông chịu axit: Xác định cỡ hạt ; thời gian công tác, độ bám dính của vữa đã đóng rắn, độ hút nước của vữa, bê tông đã đóng rắn, cường độ nén của vữa, bê tông đã đóng rắn, xác định độ co của bê tông, độ bền axit	TCVN 9034 :2011
	Thiết kế thành phần cấp phối vữa	TCVN 4459 :1987
<b>5</b>	<b>Thử nghiệm cơ lý đất trong phòng</b>	
	Xác định KLR (tỷ trọng)	TCVN 4195:2012
	Xác định độ ẩm và độ hút ẩm	TCVN 4196:2012
	Xác định giới hạn dẻo, giới hạn chảy	TCVN 4197:2012
	Xác định thành phần cỡ hạt	TCVN 4198:1995
	Xác định độ chặt tiêu chuẩn	TCVN 4201:2012
	Xác định khối lượng thể tích ( dung trọng)	TCVN 4202:2012 ; ASTM D2937 ; TCVN 10322 :2014
	Thí nghiệm sức chịu tải của đất (CBR) trong phòng thí nghiệm	TCVN 12792 :2020
	Đầm nén đất, đá dăm trong phòng thí nghiệm	TCVN 4201 :2012 ; TCVN 12790 :2020
<b>6</b>	<b>Kiểm tra thép xây dựng</b>	
	Thử kéo	TCVN 197:2014 ; TCVN 7937 :2013 ; TCVN 314 :2008 ; ASTM A370 :2014 ; ASTM F606M :2016 JIS Z2241 :2011 ; EN 10002-01 :2001 ; GB/T 228 :2010 ; AS 1391 :2007 ; TCVN 7937 :2013 ; TCVN 9391 :2012 ; ASTM B557 :2015
	Thử uốn	TCVN 198: 2008 : TCVN 7937 :2013 ; ASTM A370 :2014 JIS Z2248 :2014 ; GB/T 232 :2010 AS 2505 :2004 ; TCVN 5891 :2008
	Phương pháp thử uốn lại	TCVN 1826 :2006 ; TCVN6287 :1997 ; TCVN

		9391 :2012
	Kiểm tra chất lượng mối hàn -Thử uốn	TCVN 5401:1991 ; JIS Z3040 :1995 JIS Z3122 ; ASTM E190
	Kiểm tra chất lượng mối hàn – Thử va đập, thử nén dẹt	TCVN 5402:2010 ;
	Kiểm tra chất lượng mối hàn – Thử kéo	TCVN 5403:1991
	Kiểm tra mối hàn bằng phương pháp siêu âm	TCVN 1548:1987 TCVN 6735 :2000 ; EN 583 :2001 ; EN 1330 :2010 EN 1712 :2002; EN 1713 :1998 EN 1714 :1998(A2-03) EN 1262 :1997 (A1-03) ; EN 25817 :1992 ASTM E164 :2013 ; JIS Z3060 :2011 ASME BPV code 2011 ; AWS D1.1 D1.2
	Thép làm cốt bê tông và bê tông dự ứng lực -PP thử	TCVN 7937:2013
	Thử thanh, dây và sợi làm cốt	TCVN7937-1 : 2013
	Thử lưới hàn	TCVN7937-2 : 2013
	Thử thép dự ứng lực	TCVN7937-3 : 2013
	Thép cốt bê tông dự ứng lực	TCVN 6284:1997
	Kiểm tra lớp phủ mạ kẽm vật liệu kim loại	TCVN 7665:2007 ; TCVN 5026:2010
	Lớp phủ mạ kẽm nhúng nóng trên bề mặt gang, thép ; đo chi đày lớp phủ	TCVN 5408:2007 ; TCVN2095 :1997
	Phương pháp thí nghiệm xác định chiều dày lớp phủ	TCVN 5878:2007 ;
	Khối lượng lớp phủ	TCVN 7665 :2007 ; ASTM A90 ; JIS H0401 ; AS2331
	Kéo nhỏ thép tại hiện trường	ASTM E1512 : BS8539 :2012
	Tải trọng phá hoại của bulông, vít, vít cây, đai ốc ; hệ số xiết của bulông cường độ cao	TCVN 1916 :1995 ; JIS B1186 ; TCVN 4795 ; TCVN 4796
	Thép cốt bê tông – Mối nối bằng ống ren	TCVN 8163 :2009
	Thép cốt bê tông – Mối nối bằng dập ép ống	TCVN 9390 :2012
	Lưới thép hàn dùng trong kết cấu bê tông cốt thép	TCVN 9391 :2012
	Phương pháp kiểm tra chất lượng ống thép – thử nén bẹp	ASTM A370 :2014 ; EN 10255 :2004 JIS G3459 :2004 ; JIS G3452 :2014
	Kiểm tra không phá hủy – Phương pháp thẩm thấu	TCVN 4617 :1996 ; EN 571 :1997 ASTM E165 :2012 ; JIS Z2343 :2004 ASME BPV code 2011
	ống – Thử nén bẹp	TCVN 1830 :2008
	Thử cáp thép	ASTM A370 ; ASTM E18 TCVN 6368 :1998 ; JIS Z2241
	Thí nghiệm khung cửa lõi thép ; khung nhựa cứng U.PVC	TCVN 7451 :2004 ;TCVN 7452 :2004 TCVN 9366 :2012 ; BS RN 477- :-

		479 :2018 ; BS EN 513 ; BS EN 12608 ; BS 4783
	Kiểm tra không phá hủy – Phương pháp dùng bột từ	TCVN 4396 :1986 ; EN 1290 :1998 ASTM E709 :2015 ; ASTM E1444 :2016 ; BS EN 17638 :2016 ASME BPV code 2011 ; EN 1290
	Kiểm tra chất lượng mối hàn ( thử kéo ngang)	TCVN 8311 :2010
	Kiểm tra chất lượng mối hàn ( thử kéo dọc)	TCVN 8311 :2010
	Cốt thép – Phương pháp thử uốn và uốn lại	TCVN 6287 : 1997
	Kiểm tra không phá hủy – Phương pháp quan sát bên ngoài	TCVN 7507 :2005 ; ASME BPV code 2011
	Hệ khung treo kim loại cho tấm trần	TCVN 12694 :2020 : ASTM C635/C635M-17 ; ASTM E3090
	Độ cứng – Phương pháp Brinell, Rockwell, Vicker	TCVN 256:2006 ; TCVN 257 :2007 ; TCVN 258 :2007 : ASTM E10, E18 E92 ; JIS Z2243 ; Z2245
	Thử áp lực ống	TCVN 1832:2008 ; TCVN 7972 :2008 ; TCVN 8491 :2011 ; TCVN 10097 :2013 ; TCVN 7304 :2008 ; TCVN 9070 :2012
	Thử cáp dự ứng lực và bộ neo cáp cường độ cao	ASTM A1061/A1061M ; ASTM A370 ; TCVN 10952:2015 ; TCVN 10568 :2017
	Thử nghiệm tôn mạ màu : kích thước, thử kéo, khối lượng lớp mạ, chiều dày lớp phủ, độ bền phủ	TCVN 197 :2014 ; TCVN 2097 :2015 JISG3302 ; JIS H0401 ; JIS Z2241 ; ASTM A653 :-13 ; A1397 :2011 ; ASTM 792-10 ; ASTM A370 ; A1391 ; ASTM A90/A90M-13 ; ASTM E376 ; E415
	Độ dai va đập	TCVN 312:2007 ; ASTM A370-19 ; JIS Z2242 :2018
	Phương pháp thử dung sai kích thước, tải trọng ngang, khả năng thâm nhập vít, chiều dày lớp phủ thanh xương vách ngăn	TCVN 5877 : 1995 ; TCVN 4392 :1986 ; ASTM C645 :00 ; ASTM C1002 :01 ; ASTM B244 :09 ; ASTM A90/A90M :13 ; JIS H 0401 :04
	Phương pháp xác định kích thước hình học, khả năng chịu tải, cơ lý cho máng cáp điện	TCVN 10688 :2015
	Thử áp lực thủy tĩnh ống nước kim loại	TCVN 1832 :2008
	Thí nghiệm xác định kích thước, ngoại quan và khuyết tật, khả năng chịu tải, độ chống trơn, biến dạng dư của nắp ga cống và song chắn rác	TCVN 10333 :2014 ; BS EN 124 :2015
<b>7</b>	<b>Bê tông nhựa</b>	
	Xác định độ ổn định, độ dẻo Marshall	TCVN 8860-1:2011 ; ASTM D6927
	Xác định hàm lượng nhựa bằng phương pháp chiết sử dụng máy quay li tâm	TCVN 8860-2:2011
	Xác định thành phần hạt	TCVN 8860-3:2011

	Xác định tỷ trọng lớn nhất, khối lượng riêng của BTN ở trạng thái rời	TCVN 8860-4:2011
	Xác định tỷ khối, khối lượng thể tích của BTN ở trạng thái đầm nén	TCVN 8860-5:2011
	Xác định độ chảy nhựa	TCVN 8860-6:2011
	Xác định góc cạnh của cát	TCVN 8860-7:2011
	Xác định hệ số độ chặt lu lèn	TCVN 8860-8:2011
	Xác định độ rỗng dư	TCVN 8860-9:2011
	Xác định độ rỗng cốt liệu	TCVN 8860-10:2011
	Xác định độ rỗng lấp đầy nhựa	TCVN 8860-11:2011
	Xác định độ ổn định còn lại của BTN	TCVN 8860-12:2011
	Xác định cường độ chịu nén	ASTM D1074 AASHTO T167
<b>8</b>	<b>Nhựa bitum, Nhựa đường lỏng, Nhũ tương nhựa đường axit</b>	
	Xác định độ kim lún ở 25 <sup>0</sup> C	TCVN 7495:2005
	Xác định độ kéo dài ở 25 <sup>0</sup> C	TCVN 7496:2005
	Xác định nhiệt độ hoá mềm (phương pháp vòng bi)	TCVN 7497:2005
	Xác định điểm chip cháy và điểm cháy bằng thiết bị thử cốc hồ Cleveland	TCVN 7498:2005
	Xác định tổn thất khối lượng sau gia nhiệt 5h ở 163 <sup>0</sup> C	TCVN 7499:2005
	Xác định lượng hoà tan của nhựa trong tricloretylen	TCVN 7500:2005
	Xác định khối lượng riêng (Phương pháp Pycnometer)	TCVN 7501:2005
	Xác định độ nhớt động học ở 135 <sup>0</sup> C	TCVN 7502:2005
	Xác định hàm lượng parafin bằng phương pháp chưng cất	TCVN 7503:2005
	Xác định độ bám dính với đá	TCVN 7504:2005
	Nhựa đường lỏng, nhũ tương nhựa đường axit: Xác định nhiệt độ bắt lửa, Xác định hàm lượng nước, Thử nghiệm chưng cất, Xác định độ nhớt tuyệt đối, Xác định khối lượng thể tích; Độ nhớt Saybolt Furol, độ lắng và độ ổn định lưu trữ, lượng hạt quá cỡ, điện tích hạt, khử nhũ, độ bám dính và ảnh hưởng nước, thử nghiệm chưng cất, thử nghiệm bay hơi, khối lượng thể tích, độ bám dính với cốt liệu	TCVN 8818 : 2011; TCVN 8817:2011
	Bột khoáng trong bê tông nhựa : Độ ẩm, Thành phần hạt, Lượng mất khi nung, Khối lượng riêng, Hàm lượng nước, Khối lượng thể tích và độ rỗng của bột khoáng, Hàm lượng chất hoà tan trong nước, Khối lượng thể tích và độ	TCVN 8735 :2012 ; TCVN 12884 ; TCVN 4197

	rỗng dư của hỗn hợp bột khoáng chất và nhựa đường, Hệ số háo nước, Xác định khối lượng riêng của bột khoáng và nhựa đường, Độ trương nở thể tích của hỗn hợp bột khoáng và nhựa đường, Chỉ số hàm lượng nhựa của bột khoáng	
<b>9</b>	<b>Thử nghiệm cơ lý gạch xây</b>	
	Xác định kích thước và khuyết tật	TCVN 6355:2009 ; ASTM C67 ; ASHTO T32
	Xác định cường độ bền nén	TCVN 6355:2009 ; ASTM C67 ; ASHTO T32; ASTM C67 ; ASHTO T32
	Xác định cường độ bền uốn	TCVN 6355:2009 ; ASTM C67 ; ASHTO T32
	Xác định độ hút nước	TCVN 6355:2009 ; ASTM C67 ; ASHTO T32; ASTM C67 ; ASHTO T32
	Xác định khối lượng thể tích	TCVN 6355:2009 ; ASTM C67 ; ASHTO T32
	Xác định vết tróc do vôi	TCVN 6355:2009 ; ASTM C67 ; ASHTO T32
	Xác định độ rỗng	TCVN 6355:2009 ; ASTM C67 ; ASHTO T32
	Xác định sự thoát muối gạch xây	TCVN 6355:2009 ; ASTM C67 ; ASHTO T32
<b>10</b>	<b>Cơ lý gạch bê tông tự chèn</b>	
	Kiểm tra kích thước và khuyết tật ngoại quan	TCVN 6476 :1999
	Xác định cường độ nén	TCVN 6476 :1999
	Xác định độ hút nước	TCVN 6476 :1999
	Xác định độ mài mòn	TCVN 6476 :1999
<b>11</b>	<b>Thử nghiệm cơ lý gạch bê tông</b>	
	Kiểm tra kích thước và khuyết tật ngoại quan	TCVN 6477 :2016; ASTM C140
	Xác định cường độ nén	TCVN 6477 :2016; ASTM C140
	Xác định độ hút nước	TCVN 6477 :2016; ASTM C140
	Xác định độ rỗng	TCVN 6477 :2016; ASTM C140
	Xác định độ thấm nước của gạch block bê tông	TCVN 6477 :2016; ASTM C140
<b>12</b>	<b>Gạch terrazzo</b>	
	Kích thước, khuyết tật ngoại quan và Độ hút nước	TCVN 7744:2013
	Độ bền uốn	TCVN 7744:2013
	Độ chịu mài mòn sâu	TCVN 7744:2013
<b>13</b>	<b>Gạch gốm ốp lát</b>	
	Xác định kích thước và hình học	TCVN 6415-2:2016 ; EN ISO 10545-2

	Xác định độ hút nước	TCVN 6415-3:2016 ; EN ISO 10545-3
	Xác định độ bền uốn và lực uốn gãy	TCVN 6415-4:2016 ; EN ISO 10545-4 ASTM C1505
	Xác định độ mài mòn sâu đối với gạch không phủ men	TCVN 6415-6:2016 ; EN ISO 10545-6
	Xác định độ mài mòn sâu đối với gạch phủ men	TCVN 6415-7:2016 ; EN ISO 10545-7
	Xác định hệ số dẫn nở nhiệt dài	TCVN 6415-8:2016 ; EN ISO 10545-8
	Xác định độ bền sốc nhiệt	TCVN 6415-9:2016 ; EN ISO 10545-9 ASTM C484
	Xác định hệ số dẫn nở ẩm	TCVN 6415-10:2016 ; EN ISO 10545-10
	Xác định độ bền rạn men	TCVN 6415-11:2016 ; EN ISO 10545-11
	Xác định độ bền bằng giá	TCVN 6415-12:2016
	Xác định độ bền hóa học	TCVN 6415-13:2016 ; EN ISO 10545-13
	Xác định độ bền chống bầm bấn	TCVN 6415-14:2016 ; EN ISO 10545-16
	Xác định độ cứng theo thang Morh	TCVN 6415-18 :2016 ; EN ISO 10545-18
	Xác định các chỉ tiêu của gạch gồm ốp lát	TCVN 13113 :2020
<b>14</b>	<b>Bê tông nhẹ , Gạch bê tông bọt, khí Chung áp và không chung áp</b>	
	Kiểm tra kích thước	TCVN 9030 :2017
	Xác định độ vuông góc	TCVN 9030 :2017
	Xác định độ thẳng cạnh, độ phẳng mặt	TCVN 9030 :2017
	Xác định khối lượng thể tích khô	TCVN 9030 :2017
	Xác định độ hút nước	TCVN 9030 :2017
	Xác định cường độ nén	TCVN 9030 :2017
	Xác định hệ số dẫn nhiệt	TCVN 9030 :2017
	Xác định độ co khô	TCVN 9030 :2017
<b>15</b>	<b>Cơ lý Bentonite, Polymer, hỗn hợp Bentonite polymer</b>	
	Xác định khối lượng riêng	TCVN 11893 :2017 ; API RP 13B ; ASTM D4380 ; ASTM D4381 ; ASTM D6910
	Độ nhớt	TCVN 11893 :2017 ; API RP 13B ; ASTM D4380 ; ASTM D4381 ; ASTM D6910
	Hàm lượng cát	TCVN 11893 :2017 ; API RP 13B ; ASTM D4380 ; ASTM

		D4381 ; ASTM D6910
	Tỷ lệ keo	TCVN 11893 :2017 ; API RP 13B ; ASTM D4380 ; ASTM D4381 ; ASTM D6910
	Độ PH	TCVN 11893 :2017 ; API RP 13B ; ASTM D4380 ; ASTM D4381 ; ASTM D6910
	Hàm lượng mất nước	TCVN 11893 :2017 ; API RP 13B ; ASTM D4380 ; ASTM D4381 ; ASTM D6910
	Độ dày của áo sét	TCVN 11893 :2017 ; API RP 13B ; ASTM D4380 ; ASTM D4381 ; ASTM D6910
	Lực cắt tĩnh	TCVN 11893 :2017 ; API RP 13B ; ASTM D4380 ; ASTM D4381 ; ASTM D6910
	Tính ổn định	TCVN 11893 :2017 ; API RP 13B ; ASTM D4380 ; ASTM D4381 ; ASTM D6910
<b>16</b>	<b>Thử nghiệm tại hiện trường</b>	
	Dụng trọng, độ ẩm của đất bằng phương pháp dao đai	TCVN 1271 :2020 ; AASHTO T204
	Độ ẩm, KLTT của đất trong lớp kết cấu bằng PP rót cát	22 TCN 346:06 ; AASHTO T191 ; ASTM D1556
	Xác định modul đàn hồi 'E' nền đường bằng tấm ép cứng	TCVN 8861 :2011
	Độ bằng phẳng của mặt đường bằng thước 3m	TCVN 8864 :2011
	Xác định độ bằng phẳng mặt đường theo chỉ số độ ghe quốc tế IRI	TCVN 8865 :2011
	Kiểm tra độ nhám mặt đường bằng phương pháp rắc cát	TCVN 8866 :2011
	Xác định modul đàn hồi 'E' chung của áo đường bằng cần Benkelman	TCVN 8867 :2011
	Đo điện trở đất	TCVN 9385:2012
	Phương pháp xác định cường độ nén bằng súng bật nảy	TCVN 9334 :2012
	Phương pháp không phá hoại sử dụng kết hợp máy đo siêu âm và súng bật nảy để xác định cường độ nén bê tông	TCVN 9335 :2012
	Phương pháp điện từ xác định chiều dày lớp bê tông bảo vệ, vị trí và đường kính cốt thép trong bê tông	TCVN 9356 :2012
	Phương pháp không phá hủy đánh giá chất lượng bê tông bằng vận tốc xung siêu âm	TCVN 9357 :2012 ; ASTM C597 : EN 12504
	Phương pháp điện thế kiểm tra khả năng cốt thép bị ăn mòn	TCVN 9348 :2012
	Bê tông- Phương pháp siêu âm xác định khuyết tật	TCVN 13537 :2022
	Bê tông- Phương pháp siêu âm xác định cường độ	TCVN 13536 :2022
	Xác định cường độ gạch bằng súng bật nảy	GB/T50315
	Xác định cường độ vữa bằng súng bật nảy	GB/T4883
<b>17</b>	<b>Dây điện</b>	

	Độ bền điện áp tần số công nghiệp	TCVN 5935:2013 TCVN 6610-5 :07
	Điện trở suất khô cách điện ở 70 °C	TCVN 5936 : 95
	Đường kính , tiết diện sợi đồng	TCVN 6612 : 07 TCVN 6610-1 :07
	Xác định chiều dày lớp cách điện, chiều dày lớp vỏ bọc	TCVN 5935 :2013
	Điện trở một chiều của ruột dẫn ở 20 °C	TCVN 6612 : 07
	Thử kéo	TCVN 7305 :2008
	Xác định đường kính ruột dẫn, đường kính dây	TCVN 1547 : 1987
	Thử dây tín hiệu và vỏ bọc cách điện	TCVN 6614 : 2008 ; TCVN 8665 : 2011
<b>18</b>	<b>Kính tấm xây dựng</b>	
	Kích thước mẫu	TCVN 7219 : 2018
	Khuyết tật ngoại quan	TCVN 7219 : 2018
	Độ cong vênh	TCVN 7219 : 2018
	Độ biến dạng quang học	TCVN 7219 : 2018
	Độ truyền sáng	TCVN 7219 : 2018
	Độ xuyên quang	TCVN 7737 : 2007
<b>19</b>	<b>Kính dán nhiều lớp và kính dán an toàn nhiều lớp</b>	
	Sai lệch chiều dày	TCVN 7219 : 2018
	Khuyết tật ngoại quan	TCVN 7364-6 : 2004
	Xác định độ bền nhiệt độ cao + Thử điều kiện ẩm + Thử điều kiện khô	TCVN 7364-4 : 2004
	Xác định độ bền va đập bằng bi rơi	TCVN 7368: 2013
	Xác định độ bền va đập bằng con lắc	TCVN 7368: 2013
<b>20</b>	<b>Kính phẳng tôi nhiệt</b>	
	Sai lệch chiều dày	TCVN 7219 : 2018
	Khuyết tật ngoại quan	TCVN 7219 : 2018
	ứng suất bề mặt	TCVN 8261 : 2009
	Thử phá vỡ mẫu	TCVN 7455 : 2013
	Xác định độ bền va đập bằng bi rơi	TCVN 7455 : 2013, TCVN 7368: 2013
	Xác định độ bền va đập bằng con lắc	TCVN 7455 : 2013, TCVN 7368: 2013
<b>21</b>	<b>Kính cán vân hoa</b>	
	Sai lệch chiều dày	TCVN 7527 : 2005

	Độ cong vênh	TCVN 7219 : 2018
	Khuyết tật ngoại quan	TCVN 7527 : 2005
<b>22</b>	<b>Kính phủ phản quang</b>	
	Sai lệch chiều dày và độ cong vênh	TCVN 7219 : 2018
	Khuyết tật ngoại quan	TCVN 7219 : 2018
	Hệ số phản xạ năng lượng ánh sáng mặt trời	TCVN 7528 : 2005
	Độ bền mài mòn	TCVN 7528 : 2005 ; TCVN7625 :2007
<b>23</b>	<b>Kính hộp</b>	
	Kiểm tra kích thước, khuyết tật ngoại quan, điểm sưng, độ kín, độ cách nhiệt toàn phần	TCVN 8260 : 2009
<b>24</b>	<b>Thử nghiệm cơ lý gỗ</b>	
	Xác định số vòng năm	TCVN 8045:2009
	Xác định độ hút ẩm	TCVN 8046:2009
	Xác định sức chống tách	TCVN 8047:2009
	Xác định độ ẩm khi thử cơ lý	TCVN 8048-1:2009
	Xác định khối lượng thể tích	TCVN 8048-2:2009
	Xác định giới hạn bền khi uốn tĩnh	TCVN 8048-3:2009
	Xác định giới hạn bền khi nén	TCVN 8048-5:2009
	Xác định ứng suất kéo song song thớ	TCVN 8048-6:2009
	Xác định giới hạn bền khi kéo	TCVN 8048-7:2009
	Xác định độ dẫn nở thể tích	TCVN 8048-16:2009
<b>25</b>	<b>Gỗ ghép thanh</b>	
	Xác định kích thước, độ ẩm, khối lượng thể tích, độ trương nở chiều dày sau 24h ngâm nước, mô đun đàn hồi khi uốn tĩnh ; độ bền uốn tĩnh ; thử tách mạch keo ; độ bền trượt của mạch keo	TCVN 8575:2010 ; TCVN 8576 :2010 ; TCVN 8577 :2010
<b>26</b>	<b>Ván lát sàn nhiều lớp</b>	
	Xác định kích thước, độ ẩm, khối lượng thể tích ; độ ấn lõm và vết lõm lưu lại ; độ trương nở chiều dày, độ bền bề mặt ; độ mài mòn bề mặt ; thay đổi kích thước dưới tác dụng của độ ẩm; độ bền va đập	TCVN 11944:2018 ; TCVN 11947 :2018 ; TCVN 11948 :2018 ; TCVN 11950 :2018 ; TCVN 11951
<b>27</b>	<b>Ván sàn composite</b>	
	Xác định kích thước, chất lượng ngoại quan, khối lượng thể tích ; độ hút nước ; độ bền dán dính bề mặt ; độ mài mòn bề mặt ; độ bền uốn	TCVN 11352:2016
<b>28</b>	<b>Ván mỏng (Venners)</b>	
	Xác định kích thước, chất lượng ngoại quan, khối lượng thể tích ; độ ẩm ; độ vuông góc	TCVN 10574:2014 ; TCVN 5694 :2014

<b>29</b>	<b>VÁN GỖ NHÂN TẠO</b>	
	Xác định khối lượng riêng	TCVN 5694
	Xác định kích thước, độ vuông góc, độ thẳng cạnh	TCVN7756-2 :2007
	Xác định độ ẩm	TCVN7756-3 :2007
	Xác định khối lượng thể tích	TCVN7756-4 :2007
	Xác định độ trương nở chiều dày sau khi ngâm trong nước	TCVN7756-5 :2007
	Xác định mô đun đàn hồi khi uốn tĩnh và độ bền uốn tĩnh	TCVN7756-6 :2007
	Xác định độ bền kéo vuông góc với mặt ván	TCVN7756-7 :2007
	Xác định độ bền ẩm	TCVN7756-8 :2007
	Xác định chất lượng dán dính của ván gỗ dán	TCVN7756-9 :2007
	Xác định độ bền mặt	TCVN7756-10 :2007
	Xác định lực bám giữ đinh vít	TCVN7756-11 :2007
	Xác định hàm lượng fomaldehyt	TCVN7756-12 :2007 ; TCVN 11899 :2017
	Xác định khối lượng riêng	TCVN 5694
	Ván gỗ dán – PP thử	TCVN 8328
	Ván gỗ nhân tạo – PP thử các đặ trưng kết cấu	TCVN 8329
	Ván gỗ nhân tạo – Xác định kích thước tấm	TCVN 11904
	Ván gỗ nhân tạo – Xác định độ ẩm	TCVN 11905
<b>30</b>	<b>Vải địa kỹ thuật</b>	
	Phương pháp xác định khả năng chịu tia cực tím và nhiệt độ	TCVN 8482 :2010
	Phương pháp xác định độ dày danh định	TCVN 8220:2009
	Phương pháp xác định khối lượng đơn vị diện tích	TCVN 8221:2009
	Phương pháp xác định kích thước lỗ lọc bằng phép thử sàng ướt	TCVN 8486:2010
	Phương pháp xác định cường độ chịu kéo và độ giãn dài	TCVN 8485:2010
	Phương pháp xác định sức bền kháng thủng bằng phương pháp roi côn	TCVN 8484:2010
	Xác định lực kéo giật và độ giãn dài kéo giật	TCVN 8871-1:2011
	Xác định lực xé rách hình thang	TCVN 8871-2:2011
	Phương pháp xác định lực xuyên thủng (CBR)	TCVN 8871-3:2011
	Xác định lực kháng xuyên thủng	TCVN 8871-4:2011
	Xác định áp lực kháng bụi	TCVN 8871-5:2011

	Xác định kích thước lỗ biểu kiến bằng phép thử sàng khô	TCVN 8871-6:2011
	Phương pháp xác định độ dẫn nước	TCVN 8483:2010
	Phương pháp xác định độ thấm xuyên	TCVN 8487:2010
<b>31</b>	<b>Thử nghiệm tính năng cơ lý của màng sơn</b>	
	Xác định độ mịn	TCVN 2091:2015
	Xác định độ nhót	TCVN 2092:1993
	Xác định hàm lượng chất rắn và chất tạo màng	TCVN 2093:1993
	Xác định độ phủ	TCVN 2095:1993
	Xác định độ khô và thời gian khô	TCVN 2096:2015
	Xác định độ bám dính của màng theo phương pháp kẻ vạch	TCVN 2097:2015
	Xác định độ bền uốn của màng	TCVN 2099:1993
	Xác định độ bền va đập của màng	TCVN 2100:1993
	Xác định tỷ trọng của màng sơn	ISO 2811-1:97
	Xác định độ cứng của màng sơn	TCXDVN 388:2007
	Xác định màu sắc	TCVN 2102:2020
	Xác định độ bền nhiệt ẩm của màng sơn	TCVN 9405:2012
	Hệ chất kết dính gốc nhựa epoxy cho bê tông: Xác định độ nhót, cường độ dính kết, liên kết, độ hấp thụ nước sau 24h, cường độ chịu nén và mô đun đàn hồi khi nén, cường độ kéo ở 07 ngày và độ giãn dài khi đứt, cường độ bám dính	TCVN 7952:2008; ASTM C881-20; C884-16; C1404-2003; D5709-18; D638-14; D648-18; D695—15; D2393-86
	Sơn Alkyd Vecni: độ nghiền mịn; thời gian chảy; hàm lượng chất không bay hơi; độ phủ của màng; độ bám dính của màng; độ cứng của màng; độ bền va đập	TCVN 5730: 2008
	Các chỉ tiêu của Sơn và lớp phủ bảo vệ kim loại	TCVN 8789:2011; TCVN 8785:201
<b>32</b>	<b>Sơn tường - Sơn nhũ tương</b>	
	Màu sắc	TCVN 2102 : 2020
	Trạng thái của sơn trong thùng chứa, đặc tính thi công, độ ổn định ở nhiệt độ thấp, ngoại quan màng sơn	TCVN 8653-1:2024
	Xác định độ bền nước của màng sơn	TCVN 8653-2:2024
	Xác định độ bền kiềm của màng sơn	TCVN 8653-3:2024
	Xác định bền rửa trôi của màng sơn	TCVN 8653-4:2024
	Xác định độ bền chu kỳ nóng lạnh của màng sơn	TCVN 8653-5:2024
	Xác định độ mịn	TCVN 2091 : 2015
	Xác định độ phủ	TCVN 2095 :1993
	Xác định thời gian khô	TCVN 2096 : 2015
	Xác định độ bám dính	TCVN 2097 : 2015

<b>33</b>	<b>Sơn epoxy</b>	
	Ổn định trong thùng chứa	TCVN 9014 :2011
	Tính đồng nhất	TCVN 9014 :2011
	Độ mịn	TCVN 2091 :2015
	Thời gian khô	TCVN 2096 :2008
	Khả năng thi công	TCVN 9014 :2011
	Bề ngoài màng sơn	TCVN 9014 :2011
	Thời gian sống	TCVN 9014 :2011
	Độ bóng	TCVN 2101
	Độ bền va đập	TCVN 2100
	Khả năng chịu kiềm	TCVN 9014 :2011
	Khả năng chịu xăng	TCVN 9014 :2011
	Hàm lượng chất không bay hơi	TCVN 9014 :2011
	Xác định tính nhựa epoxy	TCVN 9014 :2011
<b>34</b>	<b>Sơn nhũ tương bitum</b>	
	Độ mịn	TCVN 2091 :2015
	Độ nhớt quy ước	TCVN 2092 :2008
	Độ phủ	TCVN 2095 :1993
	Hàm lượng chất không bay hơi	TCVN 2093 :2008
	Thời gian khô	TCVN 6557 :2000
	Độ bền uốn	TCVN 2099 :2007
	Độ bám dính của màng sơn trên nền vữa	TCVN 2097 :1993
	Độ chịu nhiệt	TCVN 6557 :2000
	Độ xuyên nước	TCVN 6557 :2000
	Độ bền lâu	TCVN 6557 :2000
<b>35</b>	<b>Vật liệu chống thấm</b>	
	Xác định chiều dày	TCVN 9409 :2014
	Xác định khối lượng	TCVN 4866 :2013
	Xác định độ bám dính	TCVN 2097 :1993 ; TCVN 4687 :2018 ; ASTM C1583 :2020 ; ASTM D903-98
	Xác định lực kéo đứt và độ giãn dài khi đứt	TCVN 4509 :2013 ; TCVN 9067 :2012 ; ASTM D2523-06 ;

		ASTM D412-16
	Độ bền mối dán	TCVN 9409 :2014
	Độ chọc thủng động	TCVN 9067 :2012 ; ASTM D5635-04
	Độ bền nhiệt	TCVN 9067 :2012 ; ASTM D5147-11
	Độ thấm nước dưới áp lực thủy tĩnh	TCVN 9067 :2012 ; ASTM D4554-08
	Độ hấp thụ nước	TCVN 10521 :2014 ; ASTM D570-98
	Độ cứng Shore A, B, C, D	TCVN 1595 :2013 ; ASTM D2240-15
	Tỷ lệ thanh đổi khối lượng sau khi lão hóa nhiệt	TCVN 2229 :2007 ; TCVN 9409 :2014
	Độ bền trong hóa chất lỏng	TCVN 9407 :2014 ; TCVN 9847 :2013
	Cường độ bám dính sau ngâm nước ; cường độ bám dính sau lão hóa nhiệt ; khả năng tạo cầu vết nứt ở điều kiện thường	BS EN 14891 :2017 ; BS 13578 :2003
<b>36</b>	<b>Silicone xảm khe cho kết cấu xây dựng</b>	
	Xác định độ chảy ; xác định khả năng đùn chảy ; xác định độ cứng Shore ; Xác định ảnh hưởng của lão hóa nhiệt đến sự tổn hao khối lượng, tạo nứt và tạo phân ; xác định thời gian không dính bề mặt ; xác định cường độ bám dính	TCVN 8267 : 2009
<b>37</b>	<b>Vật liệu bảo vệ bề mặt bê tông</b>	
	Tỷ trọng, độ pH, độ thấm hơi nước, độ bám dính, độ bền hóa chất, độ thâm nhập, độ hút nước, độ bền kiềm, độ bền va đập	TCVN 11839 :2017 ; EN 1504 ; EN1062 :2004 ; BS13529 :2003
<b>38</b>	<b>Tấm trải thảm chống thấm trên cơ sở bitum biến tính</b>	
	Xác định độ giãn dài, độ cứng Shore, độ bền chọc thủng động, độ bền nhiệt, độ thấm nước dưới áp lực thủy tĩnh, độ bền hóa chất, độ bám dính vào bê tông	TCVN 9349 :2012 ; TCVN 9067 :2012 ; TVN 9066 :2012 ; ASTM D412 ; ASTM D543 ; ASTM D624 ; ASTM D2523 ; ASTM D4551 ; ASTM D5147
<b>39</b>	<b>Vật liệu chống thấm gốc xi măng Polyme</b>	
	Xác định cường độ bám dính sau khi ngâm nước, sau lão hóa nhiệt, sau chu kỳ đóng và tan băng, sau khi tiếp xúc nước vôi, nước chứa Cl <sup>-</sup> , Cường độ kéo, độ giãn dài khi đứt khả năng tạo cầu vết nứt ở điều kiện tiêu chuẩn, độ thấm nước dưới áp lực thủy tĩnh 1.5bar trong 07 ngày	TCVN 12692 :2020 ; BS EN 14891 :2017 ; DIN 1048 :1991 ; ASTM D412 -16
<b>40</b>	<b>Dung dịch chống thấm bề mặt</b>	
	Xác định khối lượng riêng, tỷ trọng	ASTM D1475-15

	Độ pH	TCVN 6492 :2011
	Xác định hàm lượng chất rắn không bay hơi (hàm lượng chất khô)	ASTM D1644
	Xác định độ thấm ion Cl <sup>-</sup> ngâm trong dung dịch NaCl 3% của mẫu bê tông đã quét dung dịch chống thấm	AASHTO T259, T260 ; ASTM C1152-04(2012)
	Xác định thời gian chảy 1000ml nước qua vết nứt	AASHTO T259
	Xác định ảnh hưởng của lớp dung dịch chống thấm đến khả năng chống thấm nước của nền	TCVN 3116 :1993
	Xác định ảnh hưởng của lớp dung dịch chống thấm đến khả năng bám dính của bê tông nền	TCVN 9349 :2012
<b>41</b>	<b>Vật liệu chống thấm Tấm CPE</b>	
	Tính chất ứng suất- giãn dài khi kéo ; độ cứng Shore A; độ bền xé rách ; độ dày ; độ bền bóc tách của môi dán ; tỷ lệ thay đổi khối lượng trong môi trường hóa chất ; tỷ lệ thay đổi khối lượng ở 70°C	TCVN 1595- :- 1597 :2013 ; TCVN 4509 :2013 ; TCVN 9409 :2014 ; TCVN 9408 :2014
<b>42</b>	<b>Vật liệu chống thấm Tấm PE Clo hóa &amp; tấm HDPE</b>	
	Độ bền kéo, độ giãn dài sau khi đứt ; cường độ kéo ở giãn dài 100% ; độ cứng Shore A ; độ bền xé rách ; độ dày ; độ thay đổi khối lượng trong môi trường hóa chất ; tỷ lệ thay đổi khối lượng ở 70°C	TCVN 1595- :- 1597 :2013 ; TCVN 4509 :2013 ; TCVN 9409 :2014 ; ASTM D543, D1004, D1203, D2240, D5994
<b>43</b>	<b>Vật liệu chống thấm dạng màng : màng Polyurethane, màng epoxy</b>	
	Độ bền kéo, độ giãn dài sau khi đứt ; độ cứng Shore A ; độ bay hơi nước ; khả năng chống áp lực thủy tĩnh ; độ bám dính trên nền, khả năng tạo vết cầu nứt ; độ thấm nước dưới áp lực thủy tĩnh 1.5bar trong 07 ngày ; hàm lượng chất rắn, độ bền hóa chất sau 07 ngày	TCVN 1595, 4867, 9491 ; TCVN 10519 :2014 ; BS EN 1928 :2000 ; ASTM C1583, D412, D4541 ,D903, D2240, D5994 ; BS EN 14891 :2017
<b>44</b>	<b>Màng chống thấm</b>	
	Xác định cường độ kéo	ASTM D412:1997
	Xác định độ giãn dài	ASTM D412:1997
	Xác định độ cứng Shore	ASTM D412:1997
	Xác định độ kháng kiềm	ASTM D412:1997
	Xác định màu sắc	ASTM D412:1997
	Xác định độ thấm nước	ASTM D412:1997
<b>45</b>	<b>Bột bả matit</b>	
	Xác định độ mịn	TCVN 13605 : 2023
	Thời gian đông kết	TCVN 6017 :1995
	Độ giữ nước	TCVN 7239 :2014
	Xác định độ cứng bề mặt	TCVN 7239 :2014

	Xác định độ bám dính với nền	TCVN 7239 :2014; ASTM D7234
<b>46</b>	<b>Tấm thạch cao</b>	
	Kích thước, độ sâu của gờ vuốt thon và độ vuông góc của cạnh	TCVN 8257-1:2009
	Độ cứng	TCVN 8256:2009
	Cường độ chịu uốn	TCVN 8256:2009
	Độ biến dạng ẩm	TCVN 8256:2009
	Độ kháng nhỏ đinh	TCVN 8256:2009
	Độ hút nước	TCVN 8256:2009
	Độ trương nở chiều dày sau 24h ngâm nước	TCVN 7756-5:2009
	Độ hấp thụ nước bề mặt	TCVN 8257-7:2009
	Độ thẩm thấu hơi nước	TCVN 8257-8:2009
<b>47</b>	<b>Tấm thạch cao và Panel thạch cao sợi gia cường, Tấm xi măng sợi</b>	
	Xác định kích thước, độ sâu của gờ vuốt thon, độ vuông góc của cạnh; Độ cứng của cạnh, gờ lõi; Cường độ chịu uốn; Độ kháng nhỏ đinh; Độ biến dạng ẩm; độ hút nước; độ hấp thụ nước bề mặt; độ thẩm thấu hơi nước, khả năng chống thấm nước; Khối lượng thể tích biểu kiến; Độ co giãn ẩm; độ bền chu kỳ nóng lạnh; Hợp chất lưu huỳnh dễ bay hơi	TCVN 8257:2009; TCVN 8259:2009; ASTM C473-17; ASTM C1185-08; ASTM C471M-16a
<b>48</b>	<b>Đá ốp lát nhân tạo</b>	
	Kiểm tra kích thước và khuyết tật ngoại quan, Độ hút nước, Khối lượng thể tích, Độ bền uốn, Độ mài mòn sâu, Độ cứng bề mặt	TCVN 8057:2009; EN 14617, 14231, 12371, 12372, 13161, 13755, 1936, 1925, 1926 ASTM C97, C99, C880 C1353, C666, E303
<b>49</b>	<b>Đá ốp lát tự nhiên</b>	
	Kiểm tra kích thước và khuyết tật ngoại quan	
	Độ hút nước	TCVN 4732 :2016; EN 14617, 14231, 12371, 12372, 13161, 13755, 1936, 1925, 1926
	Khối lượng thể tích	ASTM C97, C99, C880
	Độ bền uốn	C1353, C666, E303
	Độ cứng vạch bề mặt	
	Độ chịu mài mòn sâu	
<b>50</b>	<b>Phân tích hóa nước cho xây dựng</b>	
	Xác định hàm lượng cặn không tan	TCVN 4560:1988
	Xác định hàm lượng muối hòa tan	TCVN 4560:1988
	Xác định độ PH	TCVN 6492:1999

	Xác định hàm lượng clorua (Cl <sup>-</sup> )	TCVN 6194:1996
	Xác định hàm lượng Sunfat (SO <sub>4</sub> <sup>2-</sup> )	TCVN 6200:1996
	Xác định hàm lượng tạp chất hữu cơ	TCVN 4565:1988
	Xác định màu và mùi	TCVN 4558:1998
<b>51</b>	<b>Thí nghiệm nhôm</b>	
	Sai lệch kích thước về hình dạng	TCVN 5841:1994
	Cường độ chịu kéo	TCXDVN 330:2004
	Độ dẫn dài tương đối	TCXDVN 330:2004
	Độ cứng HV	TCVN 258 : 2007
	Lớp phủ không từ trên nền từ - đo chiều dày lớp phủ - PP thử	TCVN 5878: 1995
	Các chỉ tiêu nhôm và hợp kim nhôm	TCVN 12513:2018
<b>52</b>	<b>ống bê tông cốt thép</b>	
	Kiểm tra ngoại quan, khuyết tật và nhãn mác, Kiểm tra kích thước, Xác định khả năng chống thấm, Kiểm tra cường độ bê tông, Thử khả năng chịu tải của đốt cống	TCVN 9113:2012
<b>53</b>	<b>Cống hộp bê tông cốt thép</b>	
	Kiểm tra ngoại quan, khuyết tật và nhãn mác, Kiểm tra kích thước và độ vuông góc của đầu ống cống hộp, Thử độ thấm nước của ống cống hộp, Kiểm tra cường độ bê tông, Thử khả năng chịu tải của ống cống	TCVN 9116:2012
<b>54</b>	<b>Gioăng cao su, băng cản nước</b>	
	Tỷ trọng	TCVN 4866 : 2013
	Xác định độ bền xé rách của gioăng cao su	TCVN 1597 : 2010
	Xác định các tính chất ứng suất – giãn dài khi kéo của gioăng cao su	TCVN 4509 : 2013
	Xác định độ bền kéo đứt	ASTM D412:2006 TCVN 9407:2014
	Xác định độ dẫn dài khi đứt	ASTM D412:2006 TCVN 9407:2014
	Xác định độ cứng Shore A	ASTM D412:2006 ASTM D2240-2005 TCVN 1595:2013
	Hệ số lão hóa ở 70°C sau 72 giờ	TCVN 2229:2013
	Độ hấp thụ nước	TCVN 9407:2014
	Độ bền kéo, Tỷ lệ thay đổi khối lượng sau khi lão hóa nhiệt	TCVN 9407 :2014
	Độ bền hóa chất trong môi trường kiềm	TCVN 9407 :2014

	Độ bền hóa chất trong môi trường nước muối	TCVN 9407 :2014
<b>55</b>	<b>Thanh trương nở</b>	
	Xác định kích thước	ASTM D471:1998
	Xác định khối lượng riêng	ASTM D471:1998
	Độ nở thể tích sau 15 ngày ngâm trong nước	ASTM D471:1998
<b>56</b>	<b>Phụ gia hóa học cho bê tông và vữa</b>	
	Lượng nước trộn tối đa so với mẫu đối chứng	TCVN 8826 :2024 : ASTM C494 ; ASTM C1017M ; ASTHTO M194 ; EN 480 : JISA 6204
	Thời gian đông kết chênh lệch so với mẫu đối chứng	TCVN 8826 :2024 : ASTM C494 ; ASTM C1017M ; ASTHTO M194 ; EN 480 : JISA 6204
	Cường độ tối thiểu so với mẫu đối chứng	TCVN 8826 :2024 : ASTM C494 ; ASTM C1017M ; ASTHTO M194 ; EN 480 : JISA 6204
	Cường độ uốn tối thiểu so với mẫu đối chứng	TCVN 8826 :2024 : ASTM C494 ; ASTM C1017M ; ASTHTO M194 ; EN 480 : JISA 6204
	Hàm lượng ion clo (Cl <sup>-</sup> )	TCVN 8826 :2024 : ASTM C494 ; ASTM C1017M ; ASTHTO M194 ; EN 480 : JISA 6204
	Hàm lượng bọt khí	TCVN 8826 :2024 : ASTM C494 ; ASTM C1017M ; ASTHTO M194 ; EN 480 : JISA 6204
	Độ co cứng	TCVN 8826 :2024 : ASTM C494 ; ASTM C1017M ; ASTHTO M194 ; EN 480 : JISA 6204
	Xác định độ PH, tỷ trọng, hàm lượng chất khô	TCVN 325 :2004
	Khả năng giảm nước, ảnh hưởng tới thời gian ninh kết của hỗn hợp bê tông và cường độ bê tông	TCVN 325 :2004
	ảnh hưởng của phụ gia đến độ co nở của bê tông	TCVN 325 :2004
	Thử nghiệm phụ gia khoáng hoạt tính cao dùng cho bê tông, vữa - Silicafume và tro trấu nghiền mịn	TCVN 8827 :2011
	Phụ gia hoạt tính tro bay dùng cho Bê tông, vữa và xi măng	TCVN 10302 :2018
<b>57</b>	<b>Phụ gia Tro bay, khoáng hoạt tính, xỉ lò cao, silicafume và tro trấu nghiền mịn dùng bê tông và vữa</b>	
	Xác định độ mịn, khối lượng riêng, chỉ số hoạt tính, thành phần hóa học, Tổng hàm lượng oxit SiO <sub>2</sub> +Al <sub>2</sub> O <sub>3</sub> +Fe <sub>2</sub> O <sub>3</sub> , Hàm lượng Canxi tự do CaO <sub>td</sub> , Hàm lượng lưu huỳnh, hợp chất lưu huỳnh tính quy đổi ra SO <sub>3</sub> , Hàm lượng mất khi nung (MKN), Hàm lượng kiềm có hại, Hàm lượng ion clo (Cl <sup>-</sup> ), Hàm lượng nước yêu cầu, Chỉ số hoạt tính cường độ đối với xi măng sau 28 ngày so với mẫu đối chứng, khả năng chống ăn mòn sunfat của phụ gia thông qua độ giãn nở của vữa, bê tông sử dụng phụ gia	TCVN 8262 :2009 ; TCVN 141 :2023 ; TCVN 8262 :2009 ; TCVN 6882 :2016 ; TCVN 8825 :2011 ; TCVN 8826 :2024 ; TCVN 8827 :2011 ; TCVN 431 ; TCVN 11586 ; TCVN 7131 :2002 ;TCVN 6882 ; TCVN 8825 ASTM C311 ; C1240 ; BS EN 450-1 ; ASTM C11-1
<b>58</b>	<b>Thử nghiệm ống nhựa, ống HDPE và phụ kiện ống</b>	

	Xác định độ va đập của ống nhựa	TCVN 7305 :2008
	Thử ứng suất của ống nhựa	TCVN 7305 :2008
	Thử độ chịu nhiệt	ASTM 7434 :2004
	Thử độ bền kéo đứt	TCVN 7434:2004
	Thử nghiệm ống nhựa gân xoắn - HDPE	TCVN 9070:2012
	Thử nghiệm khả năng tự chống cháy	BS 6099
	Các chỉ tiêu của Hệ thống ống chất dẻo dùng để dẫn nước nóng và nước lạnh	TCVN 10097:2013
<b>59</b>	<b>Hệ thống ống chất dẻo và phụ tùng ống PP,PE, PVC-U không hóa dẻo dùng cho hệ thống cấp nước đặt ngầm và nổi trên mặt đất trong điều kiện có áp suất</b>	
	Độ bền với áp suất bên trong (độ bền ngắn hạn và dài hạn) ; ngoại quan, màu sắc ; khối lượng riêng, kích thước, chiều dày ; độ bền va đập ; ứng suất lớn nhất, độ giãn dài sau khi đứt, Độ cứng vòng	TCVN 7305 :2008 ; TCVN 6144 - :-6149 :2007 ; TCVN 6039, 6140, 6242, 7306, 7434, 8491, 8848 - :-8851 ; ASTM D1525, D1599, D2122 ; BSS EN 580, 727, 744 - :-743
<b>60</b>	<b>Hệ thống ống chất dẻo và phụ tùng ống PP,PE, PVC-U không hóa dẻo dùng cho hệ thống cấp nước đặt ngầm và nổi trên mặt đất trong điều kiện không có áp suất</b>	
	Ngoại quan, màu sắc ; khối lượng riêng ; kích thước ; chiều dày ; độ cứng vòng ; độ đàn hồi vòng ; độ bền gia nhiệt ; độ chịu axit sunphuric ; độ bền va đập ống	TCVN 11821 :2017 ; TCVN 6144 - :-6149 :2007 ; TCVN 6039, 6140, 6242, 7306, 8491, 8492, 8448 - :- 8851 ; ASTM D1525, D2244, D2122 ; BSS EN 580, 727, 744 - :- 743, 744, 12099
<b>61</b>	<b>Ống và phụ tùng bằng chất dẻo (PVC-U : PP ; PE) hành kết cấu</b>	
	Độ bền thủy tĩnh ở 20 °C trong 1h và 95 °C trong 22h, độ cứng vòng, ứng suất lớn nhất, độ giãn dài sau khi đứt, độ bền va đập, Độ cứng vòng, Độ đàn hồi vòng ở 30% của $d_{em}$	TCVN 6149 :2007 ; TCVN 8850 :2011 ; TCVN 7434 :2004 ; ASTM D6110-18 ; TCVN 8850 :2011 ; TCVN 8851 :2011
<b>62</b>	<b>Các chỉ tiêu của Hệ thống ống nhựa nhiệt rắn gia cường bằng sợi thủy tinh trên cơ sở nhựa GRP</b>	TCVN 10769 :2015
	<b>Ống, máng luồn dây</b>	
	Xác định chiều dày và kích thước vỏ bọc, tính chất, khả năng chịu ép theo chiều dọc ; ống nhựa luồn dây cứng, dây	TCVN 6614 :2008 ; TCVN 5935 :2013 ; TCVN 2103 ; TCVN

	làn hồi, máng luồn dây điện ; đặc tính hình học ; khả năng chịu nén ; khả năng chịu nhiệt, khả năng cháy lan, độ bền lão hóa chất, nhiệt độ	6610 ; TCVN 2105 ; TCVN 7417 ; BS 4568 ; BS EN 50086, 61386
<b>63</b>	<b>Vật liệu chất dẻo, composite, phào nhựa</b>	
	Độ bền uốn, khối lượng riêng, độ cứng, độ bền kéo và giãn dài khi đứt, độ bền va đập Charpy/Izod, độ bền xé rách, độ bền chọc thủng, lão hóa nhiệt, độ hấp thụ nước, độ bền hóa chất, độ bền va đập bi rơi, kích thước , lực phá hủy khi uốn, độ hút nước, độ bền va đập	TCVN 1595 :2013 ; TCVN 4509 :2013 ; TCVN 1597 ; TCVN 2229 ; TCVN 5819 ; TCVN 11352 :2016 ; ASTM D790 ; D792 ; D2240 ; D638 ; D256 ; D1004 ; D4833 ; D573 ; D570 ; D1603
<b>64</b>	<b>Vật liệu nhựa, cao su lưu hóa, nhiệt dẻo, băng cản nước</b>	
	Phương pháp thử áp suất bên trong, áp lực chịu nén bên ngoài, kích thước, thử kéo, độ bền va đập, độ bền hóa chất trong môi trường kiềm, độ bền hóa chất trong môi trường nước muối, độ cứng Shore, khối lượng riêng, tỷ lệ thay đổi khối lượng sau khi lão hóa nhiệt	TCVN 6149 :2009 ; TCVN 9070 :2012 ; TCVN 6145 :2007 ; TCVN 9407 :2014 ; TCVN 7434 :2004 ; TCVN 4509 : 2013 ; TCVN 1595 :2007 : TCVN 4866 :2013 ; ASTM D1599 ; D412 ; D2240
<b>65</b>	<b>Tấm 3D dùng trong xây dựng</b>	
	Độ bền nén, độ bền uốn, độ cách âm không khí, kiểm tra kích thước	TCVN 7575 :2007

## DANH MỤC THIẾT BỊ THÍ NGHIỆM CHÍNH

( Kèm theo văn bản Số: ...../2026/CV-CSIC ngày 13 /04/2026 của

Công ty Cổ phần Tư vấn Khoa học Công nghệ và Kiểm định Xây dựng) :

Tên thiết bị	Phạm vi đo (cấp c.xác)	Hãng/ nước sản xuất	Số seri/ID thiết bị	Tình trạng hiệu chuẩn	Ghi chú
Máy nén bê tông 300T TYA 3000	0-3000kN (0,01kN)	Trung Quốc	2508882	Còn hiệu chuẩn	
Máy nén bê tông 200T TYE 2000	0-2000kN (2,5kN)	Trung Quốc	056	Còn hiệu chuẩn	
Máy nén bê tông 200T TYA 2000A	0-2000kN (0,01kN)	Trung Quốc	2405658	Còn hiệu chuẩn	
Máy nén bê tông 200T TYA 2000A	0-2000kN (0,01kN)	Trung Quốc	2405662	Còn hiệu chuẩn	
Máy nén bê tông 200T TYE 2000	0-2000kN (2,5kN)	Trung Quốc	02502185	Còn hiệu chuẩn	
Máy nén bê tông 200T TYE 2000	0-2000kN (2,5kN)	Trung Quốc	110922	Còn hiệu chuẩn	
Máy nén bê tông 200T TYE 2000	0-2000kN (2,5kN)	Trung Quốc	70127	Còn hiệu chuẩn	
Máy nén bê tông 200T TYE 2000	0-2000kN (2,5kN)	Trung Quốc	0048	Còn hiệu chuẩn	
Máy nén bê tông 200T TYE 2000	0-2000kN (2,5kN)	Trung Quốc	003	Còn hiệu chuẩn	
Máy nén bê tông 200T TYE 2000	0-2000kN (2,5kN)	Trung Quốc	027	Còn hiệu chuẩn	
Máy nén bê tông 200T TYA 2000A	0-2000kN (0,01kN)	Trung Quốc	106	Còn hiệu chuẩn	
Máy nén , uốn DYE 300	0-300kN (0,01kN)	Trung Quốc	170318	Còn hiệu chuẩn	
Máy nén , uốn TYA 300	0-300kN (0,01kN)	Trung Quốc	2017	Còn hiệu chuẩn	
Máy nén , uốn TYA 300	0-300kN (0,01kN)	Trung Quốc	130	Còn hiệu chuẩn	
Máy nén , uốn TYA 300	0-300kN (0,01kN)	Trung Quốc	2603888	Còn hiệu chuẩn	
Máy nén vữa, nén , uốn gạch TE 216	0-100kN (0,01kN)	Việt Nam	1109004	Còn hiệu chuẩn	
Máy kéo nén vạn năng WES	0-1000kN	Trung Quốc	2401027	Còn hiệu	

1000B	(0,001kN)			chuẩn	
Máy kéo nén vạn năng WE 1000B	0-1000kN (0,001kN)	Trung Quốc	740503	Còn hiệu chuẩn	
Máy kéo nén vạn năng WE 1000B	0-1000kN (0,001kN)	Trung Quốc	173	Còn hiệu chuẩn	
Máy kéo nén vạn năng WE 1000B	0-1000kN (0,001kN)	Trung Quốc	51214	Còn hiệu chuẩn	
Máy kéo nén vạn năng WE 1000B	0-1000kN (0,001kN)	Trung Quốc	187	Còn hiệu chuẩn	
Máy kéo nén vạn năng WE 1000B	0-1000kN (0,001kN)	Trung Quốc	1598	Còn hiệu chuẩn	
Máy kéo nén vạn năng WE 1000B	0-1000kN (0,001kN)	Trung Quốc	103104	Còn hiệu chuẩn	
Máy kéo nén vạn năng WDW 100	0-100kN (0,01kN)	Trung Quốc	201207-1	Còn hiệu chuẩn	
Máy thử độ bền uốn của gạch, đá ốp lát MTSY-01	0-10kN (0,01kN)	Trung Quốc	17MT52725	Còn hiệu chuẩn	
Máy thử độ mài mòn bề mặt của gạch ốp lát MTSY-07	--	Trung Quốc	17TC05257	Còn hiệu chuẩn	
Thiết bị xác định độ hút nước, khối lượng thể tích của gạch, đá ốp lát		Trung Quốc			
Súng bột này Matest - Italy	(10-:- 70) MPa	Italia	C380/BB/0077	Còn hiệu chuẩn	
Súng bột này Matest - Italy	(10-:- 70) MPa	Italia	C380/BB/0075	Còn hiệu chuẩn	
Máy siêu âm bê tông Pundit Lab+	(0.1-:- 9999) $\mu$ s	Thụy Sĩ	PL02-007-0003	Còn hiệu chuẩn	
Máy siêu âm bê tông Matest	(0.1-:- 9999) $\mu$ s	Italia	C369N/BC/0082	Còn hiệu chuẩn	
Máy dò cốt thép ZBL-630A	D6- :-D50	Trung Quốc	R42201022E	Còn hiệu chuẩn	
Máy dò cốt thép ZBL-630A	D6- :-D50	Trung Quốc	R42305006E	Còn hiệu chuẩn	
Máy ăn mòn cốt thép R61	2000mV	Trung Quốc	0102	Còn hiệu chuẩn	
Máy ăn mòn cốt thép HC-GY31	2000mV	Trung Quốc	20225060653	Còn hiệu chuẩn	
Đồng hồ so (2 chiếc)	0-50 mm	Nhật Bản	06/06/2023	Công ty	

	(0,01mm)			cỗ phần tư vấn đo lường	
Đồng hồ so (10 chiếc)	0 - 5mm (0,001mm)	Nhật Bản	06/06/2023	Công ty cỗ phần tư vấn đo lường	
Kích thủy lực 30T	(0-300)KN	Trung Quốc	06/06/2023	Còn hiệu chuẩn	
Máy đo điện trở Kyoritsu 4102A	0-1200Ω , 30V	Nhật Bản	W8029794	Còn hiệu chuẩn	
Vòng đo lực máy nén CBR	(0-50)KN, 0.01mm	Nhật Bản	06/06/2023	Còn hiệu chuẩn	
Thiết bị thử độ bền va đập kính (kiểu con lắc)		Việt Nam		Còn hiệu chuẩn	
Thiết bị thử độ bền va đập kính (kiểu bi rơi)		Việt Nam		Còn hiệu chuẩn	
Thiết bị kiểm tra khuyết tật từ MY-2		PICO MAG	1809017	Còn hiệu chuẩn	
Thiết bị kiểm tra khuyết tật từ MY-2		PICO MAG	1809019	Còn hiệu chuẩn	
Máy đo chiều dày sơn, lớp mạ YOWEXA – EC-900-E	(0-5000) μm	Trung Quốc	2403EC496017	Còn hiệu chuẩn	
Máy đo chiều dày sơn Huatec – TCT-2100F	(0-2000) μm	Trung Quốc	M.322.18	Còn hiệu chuẩn	
Đồng hồ áp suất thiết bị đo chiều dày áo sét Bentonite		Trung Quốc	521068	Còn hiệu chuẩn	
Đồng hồ áp suất thiết bị đo chiều dày áo sét Bentonite		Trung Quốc	740	Còn hiệu chuẩn	
Bộ thí nghiệm lực cắt tĩnh		Trung Quốc	202409	Còn hiệu chuẩn	
Bộ thí nghiệm lực cắt tĩnh		Trung Quốc	1051	Còn hiệu chuẩn	
Bộ dụng cụ thí nghiệm các chỉ tiêu cơ bản của bentonite: tỷ trọng, hàm lượng cát, độ nhớt, độ PH		Trung Quốc		Còn hiệu chuẩn	
Máy kiểm tra độ giãn nở của xi măng YZF-2A		Trung Quốc	2025689	Còn hiệu chuẩn	
Thiết bị xác định độ giữ nước của bột bả		Trung Quốc		Còn hiệu chuẩn	
Thiết bị xác định độ cứng của bột bả		Trung Quốc		Còn hiệu chuẩn	

Thiết bị xác định độ bám dính của bột bả, vữa Model JW-FZL-M	7MPa ; d=0.01MPA	Trung Quốc	S241236	Còn hiệu chuẩn	
Thiết bị xác định độ bám dính của màng Sơn QHF		Trung Quốc			
Thiết bị kiểm tra độ và đập của màng sơn XM-QJC		Trung Quốc			
Thiết bị đo thời gian khô của sơn JLD-8612		Trung Quốc			
Thiết bị kiểm tra độ bền uốn của Sơn QTY-32		Trung Quốc			
Thiết bị kiểm tra độ mịn của Sơn	0-100 $\mu$ m	Trung Quốc			
Thiết bị kiểm tra độ rửa trôi của Sơn	37 chu kỳ/phút	Trung Quốc			
Thiết bị kiểm tra độ cứng của Sơn		Trung Quốc			
Thiết bị kiểm tra độ nhớt của Sơn QND-4C		Trung Quốc			
Cân GS-HAW30 OHAUS	30kg, d=0.5(g)	Nhật	202016601	Còn hiệu chuẩn	
Cân BC 15 OHAUS	15kg, d=0.5(g)	Mỹ	8014110243	Còn hiệu chuẩn	
Cân HAW-15A	15kg, d=0.5(g)	Đài Loan	58821051271	Còn hiệu chuẩn	
Cân ALC-15A	15kg, d=0.5(g)	Đài Loan	58823063142	Còn hiệu chuẩn	
Cân ALC-15A	15kg, d=0.5(g)	Đài Loan	8334220033	Còn hiệu chuẩn	
Cân JY5001	5kg, d=0.1(g)	Nhật	2106747	Còn hiệu chuẩn	
Cân PR224	220(g) d=0.0001(g)	Mỹ	B902058571	Còn hiệu chuẩn	
áp kế công tắc của máy chống thấm bê tông	(0-4)Mpa, 0,5 at	Trung Quốc	705495	Còn hiệu chuẩn	
áp kế công tắc của máy chống thấm bê tông	(0-4)Mpa, 0,5 at	Trung Quốc	65571400253	Còn hiệu chuẩn	
áp kế công tắc của máy chống thấm bê tông	(0-4)Mpa, 0,5 at	Trung Quốc	8497108	Còn hiệu chuẩn	
áp kế công tắc của máy chống thấm bê tông	(0-4)Mpa, 0,5 at	Trung Quốc	100196	Còn hiệu chuẩn	

áp kế công tắc của máy chống thấm bê tông	(0-4)Mpa, 0,5 at	Trung Quốc	1830127	Còn hiệu chuẩn	
áp kế công tắc của máy chống thấm bê tông	(0-4)Mpa, 0,5 at	Trung Quốc	92804118	Còn hiệu chuẩn	
áp kế công tắc của máy chống thấm bê tông	(0-4)Mpa, 0,5 at	Trung Quốc	67562688223	Còn hiệu chuẩn	
áp kế công tắc của máy chống thấm bê tông	(0-4)Mpa, 0,5 at	Trung Quốc	715195	Còn hiệu chuẩn	
áp kế công tắc của máy chống thấm bê tông	(0-4)Mpa, 0,5 at	Trung Quốc	01090005	Còn hiệu chuẩn	
áp kế công tắc của máy chống thấm bê tông	(0-4)Mpa, 0,5 at	Thiê	HC67562688210	Còn hiệu chuẩn	
áp kế công tắc của máy chống thấm bê tông	(0-4)Mpa, 0,5 at	Trung Quốc	1311183066	Còn hiệu chuẩn	

## DANH MỤC THÍ NGHIỆM VIÊN

( Kèm theo văn bản Số: ...../2026/CV-CSIC ngày 13/04/2026 của

Công ty Cổ phần Tư vấn Khoa học Công nghệ và Kiểm định Xây dựng) :

TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Trình độ	Văn bằng, chứng chỉ	Hợp đồng lao động	Ghi chú
1	Nguyễn Xuân Hiên	04/03/1982	Kỹ sư vật liệu	Chứng chỉ Số: 3CC/3/07, của Trung tâm khoa học công nghệ về đầu tư và xây dựng cấp ngày 30/03/2007 về kỹ thuật viên thí nghiệm, số 124/2012/CC-CQM cấp ngày 22/06/2012 của trung tâm công nghệ quản lý chất lượng công trình xây dựng Việt Nam về chứng chỉ đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ kiểm định chất lượng công trình xây dựng, số 14630/2017/VKH-TNXD của Viện Khoa học Công nghệ Xây Dựng cấp ngày 29/08/2017 về thí nghiệm không phá hủy, Số 3176/2008/VKH-TNXD Của Viện KHCN Xây dựng về Quản lý phòng thí nghiệm chuyên ngành xây dựng, cấp ngày 28/03/2008	Số: 01/HĐLĐ-CSIC ngày 02/01/2025	Trưởng phòng thí nghiệm
2	Đỗ Quốc Trung	13/12/1989	Kỹ sư vật liệu	Chứng chỉ Số: 0286/TNVL2026-ĐHXDHN của Đại học Xây dựng cấp ngày 20/03/2026 về thí nghiệm Vật liệu công trình giao thông, Số 0153/HH2026-ĐHXDHN về Phân tích hóa học cốt liệu và nước dung cho bê tông và vữa cấp ngày 13/03/2026, số 14631/2017/VKH-TNXD của Viện Khoa học Công nghệ Xây Dựng cấp ngày 29/08/2017 về thí nghiệm không phá hủy, Chứng nhận tập huấn tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO/IEC 17025 :2007 cho phòng thí nghiệm chuyên ngành xây dựng số 1911-2017, ngày 17/11/2017 của Học viện cán bộ xây dựng cấp. Chứng chỉ thí nghiệm siêu âm số NDE/00307 của Công ty TNHH Tư vấn Kiểm định và Xây dựng Bảo Ngọc; Số 22.170.25/VKH-CN-TNV ngày 27/06/2025 của Viện KHCN GTVT Về thí nghiệm vật liệu xây dựng	Số: 05/HĐLĐ-CSIC ngày 02/01/2025	
3	Nguyễn Quang Huy	29/08/1988	Kỹ sư Xây dựng,	Chứng chỉ Số: 133.11.21/VNKHCN-TNV, của Viện Khoa học và Công nghệ Giao thông Vận tải ngày 10/11/2021 về thí nghiệm kiểm tra chất lượng bê tông bằng phương pháp không phá hủy	Số: 08/HĐLĐ-CSIC ngày 02/01/2025	
4	Vũ Tiến Chung	05/02/1984	Thí nghiệm viên	Số: 6CC/3/07, của Trung tâm khoa học công nghệ về đầu tư và xây dựng cấp ngày 30/03/2007 về kỹ thuật viên thí nghiệm. Chứng chỉ Số: 28.170.25/VNKHCN-TNV,	Số: 02/HĐLĐ-CSIC ngày 02/01/2025	

				của Viện Khoa học và Công nghệ Giao thông Vận tải ngày 27/06/2025 Về thí nghiệm vật liệu xây dựng	
5	Nguyễn Văn Hiếu	14/04/1991	Kỹ sư địa chất	Chứng chỉ Số: 111202/VKHCN, của Viện khoa học công nghệ về đầu tư và xây dựng cấp ngày 30/07/2015 về kỹ thuật viên thí nghiệm.; Chứng chỉ thí nghiệm siêu âm khóa học 17/12 Chứng chỉ thí nghiệm siêu âm số NDE/00307 của Công ty TNHH Tư vấn Kiểm định và Xây dựng Bảo Ngọc; Chứng chỉ thí nghiệm từ tính Số 119197 của Công ty TNHH Tư vấn Kiểm định và Xây dựng Bảo Ngọc; Chứng chỉ Số: 36.170.25/VNKHCN-TNV, của Viện Khoa học và Công nghệ Giao thông Vận tải ngày 27/06/2025 Về thí nghiệm vật liệu xây dựng ; Chứng chỉ Số: 91.11.21/VNKHCN-TNV, của Viện Khoa học và Công nghệ Giao thông Vận tải ngày 10/11/2021 về thí nghiệm kiểm tra chất lượng bê tông bằng phương pháp không phá hủy	Số: 06/HĐLĐ-CSIC ngày 02/01/2025
6	Tổng Văn Tuấn	30/06/1994	Kỹ sư kỹ thuật công trình xây dựng	Chứng chỉ Số: 201511124/VKHCN, của Viện khoa học công nghệ về đầu tư và xây dựng cấp ngày 09/07/2015 về kỹ thuật viên thí nghiệm. Chứng chỉ thí nghiệm từ tính Số 119197 của Công ty TNHH Tư vấn Kiểm định và Xây dựng Bảo Ngọc; Chứng chỉ Số: 30.170.25/VNKHCN-TNV, của Viện Khoa học và Công nghệ Giao thông Vận tải ngày 27/06/2025 Về thí nghiệm vật liệu xây dựng ; Chứng chỉ Số: 97.11.21/VNKHCN-TNV, của Viện Khoa học và Công nghệ Giao thông Vận tải ngày 10/11/2021 về thí nghiệm kiểm tra chất lượng bê tông bằng phương pháp không phá hủy	Số: 04/HĐLĐ-CSIC ngày 02/01/2025
7	Bùi Đức Ngọc	14/09/1987	Trung cấp GTVT	Số: 000767675/LĐTBOXH-DN, của Trường Trung học giao thông vận tải Trung ương I cấp ngày 29/03/2007 về thí nghiệm vật liệu đường bộ; Chứng chỉ Số: .170.25/VNKHCN-TNV, của Viện Khoa học và Công nghệ Giao thông Vận tải ngày 27/06/2025 Về thí nghiệm vật liệu xây dựng	Số: 03/HĐLĐ-CSIC ngày 02/01/2025
8	Nguyễn Văn Chiến	15/12/1988	Thí nghiệm viên	Số: 150314/VKHCN, của Viện khoa học công nghệ về đầu tư và xây dựng cấp ngày 04/03/2015 về kỹ thuật viên thí nghiệm & Kiểm định vật liệu xây dựng, số 14640/2017/VKH-TNXD của Viện Khoa học Công nghệ Xây Dựng cấp ngày 29/08/2017 về thí nghiệm không phá hủy, Chứng chỉ thí nghiệm từ tính Số 119197 của Công ty TNHH Tư vấn Kiểm định và Xây	Số: 07/HĐLĐ-CSIC ngày 02/01/2025

				dụng Bảo Ngọc; Số 31.170.25/VKHHCN-TNV ngày 27/06/2025 của Viện KHHCN GTVT Về thí nghiệm vật liệu xây dựng		
9	Tô Hải Bách	10/03/1996	Kỹ sư kỹ thuật tài nguyên nước	Chứng chỉ Số: 16128/2023/VKH-TNXD, của Viện Khoa học Công nghệ Xây dựng ngày 05/06/2023 đã hoàn thành chương trình đào tạo thí nghiệm về: Phương pháp xác định các tính chất cơ lý của bê tông và vật liệu xây dựng; Chứng chỉ Số: 137.11.21/VNKHCN-TNV, của Viện Khoa học và Công nghệ Giao thông Vận tải ngày 10/11/2021 về thí nghiệm kiểm tra chất lượng bê tông bằng phương pháp không phá hủy	Số: 09/HĐLĐ-CSIC ngày 02/01/2025	
10	Trần Bình Nguyên	05/05/1981	Kỹ sư kỹ thuật công trình xây dựng	Chứng chỉ Số: 98-2009/ĐL của Trung tâm đo lường Việt Nam ngày 08/06/2009 về thí nghiệm viên chuyên ngành thí nghiệm vật liệu xây dựng; Chứng chỉ Số: 33.170.25/VNKHCN-TNV, của Viện Khoa học và Công nghệ Giao thông Vận tải ngày 27/06/2025 Về thí nghiệm vật liệu xây dựng; Chứng chỉ Số: 40.163.24/VNKHCN-TNV, của Viện Khoa học và Công nghệ Giao thông Vận tải ngày 15/04/2024 về kiểm tra chất lượng bê tông bằng phương pháp không phá hủy	Số: 10/HĐLĐ-CSIC ngày 02/01/2025	
11	Nguyễn Đức Toàn	09/05/2001	Kỹ sư chất lượng cao Việt Pháp	Chứng chỉ Số: 49.165.24/VNKHCN-TNV, của Viện Khoa học và Công nghệ Giao thông Vận tải ngày 24/06/2024 về thí nghiệm viên chuyên ngành thí nghiệm vật liệu xây dựng; Chứng chỉ Số: 51.163.24/VNKHCN-TNV, của Viện Khoa học và Công nghệ Giao thông Vận tải ngày 15/04/2024 về kiểm tra chất lượng bê tông bằng phương pháp không phá hủy	Số: 11/HĐLĐ-CSIC ngày 02/01/2025	
12	Trần Văn Bình	11/02/2002	Kỹ sư kỹ thuật vật liệu	Chứng chỉ Số: 0007/TNBT2025-ĐHXDHN của Đại học Xây dựng Hà Nội ngày 01/10/2025 về Thí nghiệm vữa, bê tông và vật liệu chế tạo	Số: 12/HĐLĐ-CSIC ngày 02/01/2026	
13	Nguyễn Quang Minh	18/02/2003	Kỹ sư vật liệu xây dựng	Chứng chỉ Số: 0059/TNVL2026-ĐHXDHN của Đại học Xây dựng Hà Nội ngày 30/01/2026 về Thí nghiệm vật liệu công trình giao thông	Số: 13/HĐLĐ-CSIC ngày 02/01/2026	
14	Nguyễn Văn Vũ	08/11/2003	Kỹ sư vật liệu xây dựng	Chứng chỉ Số: 27.170.25/VNKHCN-TNV, của Viện Khoa học và Công nghệ Giao thông Vận tải ngày 27/06/2025 Về thí nghiệm vật liệu xây dựng	Số: 14/HĐLĐ-CSIC ngày 02/01/2026	
15	Đặng Bình An	06/09/2003	Thí nghiệm viên	Chứng chỉ Số: 0001/TNVL2026-ĐHXDHN của Đại học Xây dựng Hà Nội ngày 30/01/2026 về Thí nghiệm vật liệu công trình	Số: 15/HĐLĐ-CSIC ngày 02/01/2026	

				giao thông		
16	Hoàng Mai Phong	08/11/2003	Thí nghiệm viên	Chứng chỉ Số: 0074/TNVL2026-ĐHXDHN của Đại học Xây dựng Hà Nội ngày 30/01/2026 về Thí nghiệm vật liệu công trình giao thông	Số: 16/HĐLĐ-CSIC ngày 02/01/2026	
17	Hà Đức Cảnh	15/08/2002	Thí nghiệm viên	Chứng chỉ Số: 24.170.25/VNKHCN-TNV, của Viện Khoa học và Công nghệ Giao thông Vận tải ngày 27/06/2025 Về thí nghiệm vật liệu xây dựng	Số: 17/HĐLĐ-CSIC ngày 02/01/2026	
18	Vũ Năng Nam	06/09/2003	Kỹ sư kỹ thuật vật liệu	Chứng chỉ Số: 0001/TNVL2026-ĐHXDHN của Đại học Xây dựng Hà Nội ngày 30/01/2026 về Thí nghiệm vật liệu công trình giao thông	Số: 18/HĐLĐ-CSIC ngày 06/04/2026	

# DANH MỤC CÁC TRẠM THÍ NGHIỆM HIỆN TRƯỜNG

(Kèm theo văn bản Số: ...../2026/CV-CSIC ngày 13/04/2026 của

Công ty Cổ phần Tư vấn Khoa học Công nghệ và Kiểm định Xây dựng) :

TT	Dự án	Địa chỉ đặt phòng hiện trường	Ghi chú
1	Dự án thành phần được đầu tư xây dựng trên các lô đất số HH03, A5-CT01 và A5-CT01 và A5-CT02 thuộc DA “ Đầu tư Xây dựng khu đô thị mới tại các xã Xuân Canh, Đông Hội, Mai Lâm, huyện Đông Anh, Thành phố Hà Nội	Lô đất số A5 Khu đô thị mới tại các xã Xuân Canh, Đông Hội, Mai Lâm, huyện Đông Anh, Thành phố Hà Nội – Xã Đông Anh - Thành phố Hà Nội	
2	Các công trình tại ô đất ký hiệu HH-02 thuộc dự án khu đô thị mới tại các xã Xuân Canh, Đông Hội, Mai Lâm huyện Đông Anh, TP. Hà Nội	Lô đất số HH-02 Khu đô thị mới tại các xã Xuân Canh, Đông Hội, Mai Lâm, huyện Đông Anh, Thành phố Hà Nội – Xã Đông Anh - Thành phố Hà Nội	
3	Trung tâm hội chợ triển lãm quốc gia	Lô đất CCDT.12-HH -Xã Đông Anh- Thành phố Hà Nội	
4	Các công trình tại ô đất ký hiệu A4-CT01, A4-CT02, A4-CX03 thuộc dự án Khu đô thị mới tại xã Đông Anh – Thành phố Hà Nội	Lô đất A4 -Xã Đông Anh- Thành phố Hà Nội	
5	Các công trình tại ô đất B5-CT02, ô đất GT2 thuộc dự án khu đô thị Gia Lâm -	Ô đất B5 Khu đô thị Gia Lâm – Xã Gia Lâm – TP. Hà Nội	
6	Các công trình cao tầng tại lô đất U39-D1 và F2-HH01 và F2-HH02 Khu đô thị mới Tây Mỗ, Đại Mỗ - Vinhomes Park	Khu đô thị mới Tây Mỗ, Đại Mỗ - Vinhomes Park – Phường Tây Mỗ - TP. Hà Nội	
7	Nhà ở thấp tầng và khu nhà ở tái định cư kết hợp thương mại	Khu đô thị mới Tây Nam Linh Đàm – phường Hoàng Liệt – TP. Hà Nội	
8	Tổ hợp chung cư cao cấp, dịch vụ thương mại HH03 Nam An Khánh	Ô đất HH03, khu đô thị Nam An Khánh – Xã An Khánh – TP. Hà Nội	



TỔNG GIÁM ĐỐC  
*Trần Ngọc Lưu*